

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(đã được soát xét)



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên,
Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05-25
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	09
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10-25

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát (tên viết tắt: VFC) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 28/UBCK-GP ngày 25 tháng 01 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102636355 đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 01 năm 2008, thay đổi lần thứ 08 ngày 08 tháng 03 năm 2024. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp bổ sung các Giấy phép điều chỉnh thay đổi như sau:

- Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17 tháng 11 năm 2014, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là Bà Nguyễn Thanh Hương, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- Giấy phép điều chỉnh số 25/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 9 năm 2015, chuẩn y các việc sau:
 - + Bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán: Tư vấn đầu tư chứng khoán;
 - + Thay đổi địa điểm dời trụ sở chính về Phòng 1201, Tầng 12, Tòa nhà Ruby Plaza, 44 Lê Ngọc Hân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.
- Giấy phép điều chỉnh số 35/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 5 năm 2021, chuẩn y các việc sau:
 - + Thay đổi địa điểm trụ sở chính: Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 05 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội;
 - + Thay đổi người đại diện theo pháp luật là Bà Bùi Thị Thanh Trà, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 5 năm 2022, chuẩn y thay đổi người đại diện theo pháp luật là Bà Nguyễn Thị Huyền, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- Giấy phép điều chỉnh số 117/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 11 năm 2022, chuẩn y thay đổi người đại diện theo pháp luật là Bà Võ Anh Tú, chức danh Tổng Giám đốc.
- Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 02 năm 2024, điều chỉnh thay đổi vốn điều lệ lên 100.000.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; thực hiện các hoạt động kinh doanh có liên quan khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Việt Anh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16/04/2024
Bà Nguyễn Thị Huyền	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 16/04/2024
Bà Trần Thị Mai Quỳnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/04/2024
Ông Phạm Huy Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/04/2024
Bà Võ Anh Tú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/04/2024
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/04/2024

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Võ Anh Tú	Tổng Giám đốc
--------------	---------------

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo bao gồm:

Ông Ngô Trung Dũng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 16/04/2024
Bà Hoàng Khánh Ly	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/04/2024
Bà Nguyễn Thùy Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/04/2024

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Võ Anh Tú

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

Số:120824.015/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát được lập ngày 12 tháng 08 năm 2024, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Vũ Xuân Biên**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện
Biên, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		99.390.451.764	25.720.129.030
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	51.107.477.773	12.132.905.618
111	1. Tiền		12.107.477.773	12.132.905.618
112	2. Các khoản tương đương tiền		39.000.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	44.629.274.000	10.000.774.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		45.105.669.850	10.000.774.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(476.395.850)	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.556.164.860	3.501.225.035
131	1. Phải thu khách hàng		-	701.055.600
132	2. Trả trước cho người bán	5	51.600.000	40.800.000
134	3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	6	165.807.944	76.916.629
135	4. Các khoản phải thu khác	7	3.366.383.562	2.710.079.452
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(27.626.646)	(27.626.646)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		97.535.131	85.224.377
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	97.535.131	85.224.377
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		488.826.554	593.050.703
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		139.259.500	139.259.500
218	1. Phải thu dài hạn khác	10	139.259.500	139.259.500
220	II. Tài sản cố định		320.981.108	369.076.106
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	28.222.499	31.417.499
222	- Nguyên giá		201.417.448	201.417.448
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(173.194.949)	(169.999.949)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	292.758.609	337.658.607
228	- Nguyên giá		489.950.000	489.950.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(197.191.391)	(152.291.393)
260	V. Tài sản dài hạn khác		28.585.946	84.715.097
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	28.585.946	84.715.097
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		99.879.278.318	26.313.179.733

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên,
Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		382.259.261	819.413.935
310	I. Nợ ngắn hạn		382.259.261	819.413.935
312	1. Phải trả người bán		13.934.900	13.934.900
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	156.421.727	577.055.651
319	3. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		3.766.500	3.827.250
323	4. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		208.136.134	224.596.134
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	15	99.497.019.057	25.493.765.798
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		100.000.000.000	25.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		-	54.906.131
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		54.906.131	54.906.131
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(557.887.074)	383.953.536
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		99.879.278.318	26.313.179.733

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
006	1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		1.500.090.000	90.000
007	1.1 Chứng khoán giao dịch		1.500.090.000	90.000
030	2. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	17	127.830.172	59.609.279
031	2.1 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		59.603.492	59.609.279
032	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		68.226.680	-
040	3. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	18	88.877.987.750	35.270.740.300
041	3.1 Nhà đầu tư ủy thác trong nước		35.273.703.200	35.270.740.300
042	3.2 Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		53.604.284.550	-
050	4. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác		45.150.539	89.575.747
051	5. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	19	121.012.769	21.894.502

**Lê Thủy Trang**

Người lập/ kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

**Võ Anh Tú**

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện
Biên, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu	20	444.181.377	554.990.888
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		444.181.377	554.990.888
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	21	785.079.991	635.567.039
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		(340.898.614)	(80.576.151)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	2.565.672.179	831.141.771
22	7. Chi phí tài chính	23	506.630.901	47.423.308
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	2.699.040.455	2.610.616.978
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(980.897.791)	(1.907.474.666)
32	10. Chi phí khác		2.474.409	120.698
40	11. Lợi nhuận khác		(2.474.409)	(120.698)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(983.372.200)	(1.907.595.364)
51	13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	13.374.541	18.287.550
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(996.746.741)	(1.925.882.914)
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	(123)	(770)

**Lê Thùy Trang**

Người lập/ kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

**Võ Anh Tú**

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		20.396.290.062	22.436.142.976
02	2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(24.578.896.568)	(10.335.809.643)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(2.110.847.840)	(1.872.036.722)
05	4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(13.374.541)	(112.188.521)
07	5. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(1.140.008.277)	(684.233.508)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(7.446.837.164)</i>	<i>9.431.874.582</i>
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		701.055.600	-
23	2. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(40.000.000.000)	-
24	3. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác		10.000.000.000	-
27	4. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia		720.353.719	147.779.017
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(28.578.590.681)</i>	<i>147.779.017</i>
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		75.000.000.000	-
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>75.000.000.000</i>	<i>-</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>		<i>38.974.572.155</i>	<i>9.579.653.599</i>
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		12.132.905.618	4.555.628.562
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	51.107.477.773	14.135.282.161



Lê Thùy Trang

Người lập/ kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024



Võ Anh Tú

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

06 tháng đầu năm 2024	Thuyết minh	Số đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		25.000.000.000	75.000.000.000	-	100.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính		54.906.131	-	(54.906.131)	-
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		54.906.131	-	-	54.906.131
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)		383.953.536	(941.840.610)	-	(557.887.074)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	15	25.493.765.798	74.058.159.390	(54.906.131)	99.497.019.057

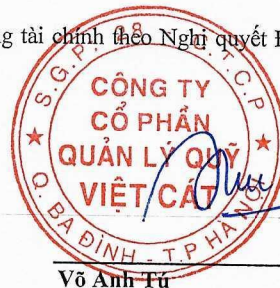
06 tháng đầu năm 2023	Thuyết minh	Số đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		25.000.000.000	-	-	25.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính		54.906.131	-	-	54.906.131
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		54.906.131	-	-	54.906.131
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.857.676.420	(1.925.882.914)	-	(68.206.494)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	15	26.967.488.682	(1.925.882.914)	-	25.041.605.768

(*) Bao gồm lỗ từ kết quả hoạt động kinh doanh và hoàn nhập quỹ dự phòng tài chính theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024


Lê Thùy Trang

Người lập/ kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

**Võ Anh Tú**

Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát (tên viết tắt: VFC) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 28/UBCK-GP ngày 25 tháng 01 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102636355 đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 01 năm 2008, thay đổi lần thứ 08 ngày 08 tháng 03 năm 2024. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp bổ sung các Giấy phép điều chỉnh thay đổi như sau:

- Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17 tháng 11 năm 2014, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là Bà Nguyễn Thanh Hương, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

- Giấy phép điều chỉnh số 25/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 9 năm 2015, chuẩn y các việc sau:

+ Bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán: Tư vấn đầu tư chứng khoán;

+ Thay đổi địa điểm trụ sở chính về Phòng 1201, Tầng 12, Tòa nhà Ruby Plaza, 44 Lê Ngọc Hân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

- Giấy phép điều chỉnh số 35/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 5 năm 2021, chuẩn y các việc sau:

+ Thay đổi địa điểm trụ sở chính: Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 05 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội;

+ Thay đổi người đại diện theo pháp luật là Bà Bùi Thị Thanh Trà, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

- Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 5 năm 2022, chuẩn y thay đổi người đại diện theo pháp luật là Bà Nguyễn Thị Huyền, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

- Giấy phép điều chỉnh số 117/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 11 năm 2022, chuẩn y thay đổi người đại diện theo pháp luật là Bà Võ Anh Tú, chức danh Tổng Giám đốc.

- Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 02 năm 2024, điều chỉnh thay đổi vốn điều lệ lên 100.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng; tương đương 10.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là: 12 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 10 người).

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; thực hiện các hoạt động kinh doanh có liên quan khác phù hợp với quy định của pháp luật.

1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Đến ngày 30/01/2024, Công ty đã hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ với tổng giá trị thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ là 75.000.000.000 đồng tương đương 7.500.000 cổ phiếu do nhà đầu tư là Ngân hàng TMCP Tiên Phong tham gia. Theo đó, Công ty chính thức trở thành Công ty con của Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường

Điện Biên, Quận Ba Đình,

Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính và Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác, đầu tư trái phiếu, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức độ tổn thất có thể xảy ra.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------|-----------|
| - Thiết bị quản lý | 03-05 năm |
| - Phần mềm quản lý | 03-05 năm |

2.9 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 . Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức nhận được trong kỳ kế toán được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn chứng khoán bán ra.

2.11 . Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Mức trích lập dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 và Thông tư số 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 04 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC để bãi bỏ Thông tư số 146/2015/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Theo đó:

- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: Sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: Sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty theo quy định hiện hành.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.16 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

- Thu nhập phát sinh từ tiền lãi của các khoản đầu tư tài chính dài hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Các khoản thuế

a, Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

b, Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với toàn bộ hoạt động của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường

Điện Biên, Quận Ba Đình,

Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

2.18 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.19 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.20 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là quản lý danh mục đầu tư, quản lý các quỹ đầu tư và tư vấn, đồng thời chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Tiền mặt tại quỹ	2.164.706	40.819.152
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.105.313.067	12.092.086.466
Các khoản tương đương tiền	39.000.000.000	-
	<u><u>51.107.477.773</u></u>	<u><u>12.132.905.618</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường

Điện Biên, Quận Ba Đình,

Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (*)	5.105.669.850	774.000
Chứng chỉ tiền gửi/ hợp đồng tiền gửi	40.000.000.000	10.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(476.395.850)	-
	44.629.274.000	10.000.774.000

(*) Chi tiết đầu tư chứng khoán

	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
		VND		VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		5.105.669.850		774.000
- Cổ phiếu DHG	9	774.000	9	774.000
- Cổ phiếu SZC	30.000	1.256.632.100	-	-
- Cổ phiếu KBC	50.000	1.594.388.000	-	-
- Cổ phiếu PVD	70.000	2.253.875.750	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(476.395.850)		-
- Cổ phiếu SZC		(94.132.100)		-
- Cổ phiếu KBC		(144.388.000)		-
- Cổ phiếu PVD		(237.875.750)		-
		4.629.274.000		774.000

5 . TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sao Vàng	8.400.000	8.400.000
Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC	43.200.000	32.400.000
	51.600.000	40.800.000

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ chi tiết theo nội dung		
Phải thu hoạt động quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán	56.439.052	57.689.983
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	109.368.892	19.226.646
	165.807.944	76.916.629

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Các khoản phải thu khác chi tiết theo nội dung		
Phải thu lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi	815.383.562	133.479.452
Phải thu cổ tức được chia	40.000.000	23.000.000
Phải thu về bán chứng khoán	2.511.000.000	2.551.500.000
Phải thu khác	-	2.100.000
	3.366.383.562	2.710.079.452

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường

Điện Biên, Quận Ba Đình,

Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

8 . NỢ XẤU

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Sao Vàng	8.400.000	-	8.400.000	-
- Bà Đoàn Minh Phượng	18.970.163	-	18.970.163	-
- Các khách hàng ủy thác khác	256.483	-	256.483	-
	27.626.646	-	27.626.646	-

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Chi phí mua bảo hiểm sức khỏe cho cán bộ nhân viên	25.365.849	11.098.044
Chi phí công cụ dụng cụ	72.169.282	74.126.333
	97.535.131	85.224.377

10 . PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Các khoản ký quỹ, ký cược	139.259.500	139.259.500
	139.259.500	139.259.500

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình tại ngày 30/06/2024 của Công ty là thiết bị quản lý có nguyên giá 201.417.448 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 30/06/2024 là 173.194.949 đồng, chi phí khấu hao trong kỳ là 3.195.000 đồng.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình tại ngày 30/06/2024 của Công ty là phần mềm có nguyên giá 489.950.000 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 30/06/2024 là 197.191.391 đồng, chi phí khấu hao trong kỳ là 44.899.998 đồng.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Chi phí sửa chữa Văn phòng	-	51.929.732
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	28.585.946	32.785.365
	28.585.946	84.715.097

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	45.856.060
Thuế Thu nhập cá nhân	156.421.727	531.199.591
	156.421.727	577.055.651

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND		VND		VND		VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	25.000.000.000		54.906.131		54.906.131		1.857.676.420		26.967.488.682
Lỗ trong kỳ trước	-		-		-		(1.925.882.914)		(1.925.882.914)
Số dư cuối kỳ trước	25.000.000.000		54.906.131		54.906.131		(68.206.494)		25.041.605.768
Số dư đầu kỳ này	25.000.000.000		54.906.131		54.906.131		383.953.536		25.493.765.798
Tăng vốn trong kỳ này	75.000.000.000		-		-		-		75.000.000.000
Lỗ trong kỳ này	-		-		-		(996.746.741)		(996.746.741)
Tăng/giảm khác	-		(54.906.131)		-		54.906.131		-
Số dư cuối kỳ này	100.000.000.000		-		54.906.131		(557.887.074)		99.497.019.057

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường

Điện Biên, Quận Ba Đình,

Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Số cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Số đầu kỳ VND
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	99,90	99.900.000.000	-	-
Ông Nguyễn Anh Vũ	0,05	50.000.000	58,00	14.500.000.000
Bà Hồ Thị Thùy Giang	0,05	50.000.000	24,00	6.000.000.000
Bà Nguyễn Thanh Hương	-	-	18,00	4.500.000.000
	100	100.000.000.000	100	25.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2024 VND	06 tháng đầu năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000	25.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	25.000.000.000	25.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	75.000.000.000	-
- Vốn góp cuối kỳ	100.000.000.000	25.000.000.000

d) Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	2.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	2.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	2.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

16 . TÀI SẢN THUÊ NGOÀI

Công ty ký hợp đồng thuê văn phòng đặt trụ sở chính dài hạn với Công ty Cổ phần Tập đoàn Vàng bạc Đá quý Doji để thuê với diện tích 50 m² tầng 11 Tòa nhà Doji Tower tại địa chỉ số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam đến hết ngày 15/10/2025 với giá thuê được quy định trong hợp đồng ký kết với đối tác.

17 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	06 tháng đầu năm 2024 VND	06 tháng đầu năm 2023 VND
Số dư đầu kỳ	59.609.279	173.880.000
Số tăng trong kỳ	59.183.090.000	11.906.862.124
Số giảm trong kỳ	(59.114.869.107)	(11.998.599.014)
Số dư cuối kỳ	127.830.172	82.143.110

Chi tiết số dư tại thời điểm:

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty TNHH Đá quý Thế giới	27.084.328	27.070.753
Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư Thương mại Quang Minh	17.706.252	17.697.378
Nguyễn Trọng Sơn	6.602.768	6.580.144
Công ty Cổ phần Diana Unicharm	68.226.680	-
Các nhà đầu tư ủy thác khác	8.210.144	8.261.004
	127.830.172	59.609.279

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường

Điện Biên, Quận Ba Đình,

Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

18 . DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần dịch vụ Hàng hóa Hàng không Việt Nam (ACSV)	35.250.000.000	35.250.000.000
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc (HKB)	23.703.200	20.740.300
- Trái phiếu BID12258	53.604.284.550	-
	88.877.987.750	35.270.740.300

19 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phí lưu ký và phí giao dịch phải trả Ngân hàng lưu ký	30.870.523	21.894.502
Phí quản lý quỹ phải trả Công ty quản lý Quỹ	90.142.246	-
	121.012.769	21.894.502

20 . DOANH THU

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ thành viên	354.039.131	326.379.214
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	90.142.246	228.611.674
	444.181.377	554.990.888
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 29)	354.039.131	326.379.214

21 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên trực tiếp	764.899.628	623.582.875
Chi phí hoạt động kinh doanh khác	20.180.363	11.984.164
	785.079.991	635.567.039

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi	579.652.999	519.792.771
Lãi bán chứng khoán	1.945.983.180	311.317.500
Cổ tức được chia	40.036.000	31.500
	2.565.672.179	831.141.771

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường

Điện Biên, Quận Ba Đình,

Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lỗ bán chứng khoán	30.235.051	47.433.208
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	476.395.850	(9.900)
	506.630.901	47.423.308

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.050.119.319	1.922.051.504
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	87.740.153	106.980.900
Chi phí khấu hao tài sản cố định	48.094.998	148.290.798
Thuế, phí và lệ phí	8.692.800	3.207.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	504.393.185	430.085.976
	2.699.040.455	2.610.616.978

25 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(983.372.200)	(1.907.595.364)
Các khoản điều chỉnh tăng	156.416.433	66.787.361
- Chi phí không hợp lệ	156.416.433	66.787.361
Các khoản điều chỉnh giảm	(40.036.000)	(31.500)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(40.036.000)	(31.500)
Tổng thu nhập tính thuế	(866.991.767)	(1.840.839.503)
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ này	13.374.541	18.287.550
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	13.374.541	18.287.550
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	-	93.900.971
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(13.374.541)	(112.188.521)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường

Điện Biên, Quận Ba Đình,

Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2024 VND	06 tháng đầu năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(996.746.741)	(1.925.882.914)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(996.746.741)	(1.925.882.914)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	8.135.359	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(123)	(770)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

27 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ (chứng khoán) ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu, trái phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu, trái phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Số cuối kỳ				
Đầu tư ngắn hạn	44.629.274.000	-	-	44.629.274.000
	44.629.274.000	-	-	44.629.274.000
Số đầu kỳ				
Đầu tư ngắn hạn	10.000.774.000	-	-	10.000.774.000
	10.000.774.000	-	-	10.000.774.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường

Điện Biên, Quận Ba Đình,

Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.105.313.067	-	-	51.105.313.067
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác	3.496.164.860	139.259.500	-	3.635.424.360
	54.601.477.927	139.259.500	-	54.740.737.427
	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Số đầu kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.092.086.466	-	-	12.092.086.466
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác	3.452.025.035	139.259.500	-	3.591.284.535
	15.544.111.501	139.259.500	-	15.683.371.001

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Số cuối kỳ				
Phải trả người bán, phải trả khác	17.701.400	-	-	17.701.400
	17.701.400	-	-	17.701.400

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường

Điện Biên, Quận Ba Đình,

Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Số đầu kỳ				
Phải trả người bán, phải trả khác	17.762.150	-	-	17.762.150
	17.762.150	-	-	17.762.150

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Công ty mẹ từ ngày 30/01/2024
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty	Người nội bộ của Công ty
Quỹ Đầu tư Giá trị Việt	Quỹ thành viên do Công ty quản lý

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	06 tháng đầu năm 2024 VND	06 tháng đầu năm 2023 VND
Doanh thu hoạt động quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán	354.039.131	326.379.214
Quỹ Đầu tư Giá trị Việt	354.039.131	326.379.214
Doanh thu hoạt động tài chính	1.219.588	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	1.219.588	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền gửi không kỳ hạn	9.686.594.536	2.997.397.069
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	9.686.594.536	2.997.397.069
Phải thu các hoạt động nghiệp vụ	56.439.052	57.689.983
Quỹ Đầu tư Giá trị Việt	56.439.052	57.689.983

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường

Điện Biên, Quận Ba Đình,

Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

<u>Thu nhập của Hội đồng quản trị</u>	06 tháng đầu năm 2024 VND	06 tháng đầu năm 2023 VND
Ông Nguyễn Việt Anh	28.173.913	-
Ông Phạm Huy Trung	18.782.609	-
Bà Nguyễn Thị Huyền	40.579.710	66.666.666
Bà Bùi Thị Thanh Trà	-	-
Bà Trần Thị Mai Quỳnh	20.289.853	33.333.330
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	20.289.853	33.333.330
<u>Thu nhập của Ban Kiểm soát</u>	06 tháng đầu năm 2024 VND	06 tháng đầu năm 2023 VND
Ông Ngô Trung Dũng	11.739.130	-
Bà Hoàng Khánh Ly	7.043.478	-
Bà Nguyễn Thùy Anh	7.043.478	-
<u>Thu nhập của Ban Tổng Giám Đốc</u>	06 tháng đầu năm 2024 VND	06 tháng đầu năm 2023 VND
Bà Võ Anh Tú	1.048.500.000	909.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

**Lê Thùy Trang**

Người lập/ kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

**Võ Anh Tú**

Tổng Giám đốc

